

Số: /STP-XDPBPL
V/v hướng dẫn thực hiện
tiêu chí tiếp cận pháp luật
trong Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn
nông thôn mới, nông thôn mới
nâng cao

Đồng Nai, ngày tháng năm 2023

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh

Thực hiện Quyết định số 09/2023/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Đồng Nai ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Đồng Nai đến năm 2025 và Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Đồng Nai đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1723/QĐ-BTP ngày 15/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Hướng dẫn tiêu chí huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới, tiêu chí tiếp cận pháp luật thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025 và tiêu chí quận, thị xã, thành phố đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thuộc tiêu chí quận, thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh; Sở Tư pháp hướng dẫn việc thực hiện tiêu chí tiếp cận pháp luật trong Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao như sau:

I. ĐỐI VỚI BỘ TIÊU CHÍ XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI THEO QUY ĐỊNH TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 09/2023/QĐ-UBND

Đối với tiêu chí 18.5 - xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định; đề nghị UBND các huyện, thành phố Long Khánh triển khai cho UBND các xã thực hiện theo các Văn bản triển khai, hướng dẫn của Sở Tư pháp về thực hiện Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 25/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, Sở tay hướng dẫn nghiệp vụ về chuẩn tiếp cận pháp luật đã được Sở Tư pháp triển khai tại Văn bản số 999/STP-XDPBPL ngày 31/3/2023.

II. ĐỐI VỚI BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 10/2023/QĐ-UBND

Trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao theo Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND, Sở Tư pháp phụ trách Tiêu chí 16 - tiếp cận pháp luật với các nội dung tiêu chí cụ thể như sau:

1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận

1.1 Đối với mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật

Mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật hoạt động hiệu quả phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Tiêu chí 2 “Tiếp cận thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật” theo quy định của Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP đạt điểm số tối đa là 30 điểm. Căn cứ để xác nhận tiêu chí này đạt điểm tối đa là Quyết định công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, Bản tổng hợp điểm số của các tiêu chí, chỉ tiêu do Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật cấp huyện thẩm định.

Lưu ý: Việc tự đánh giá, chấm điểm các nội dung, chỉ tiêu của Tiêu chí 2 phải thực chất, phù hợp với kết quả thực hiện thực tế của địa phương, có số liệu thể hiện cụ thể theo hướng dẫn tại Phụ lục II kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BTP.

b) Huy động được nguồn lực hỗ trợ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật: Cụ thể nguồn lực hỗ trợ trong nội dung này bao gồm nhân lực, kinh phí, cơ sở vật chất khác từ nguồn xã hội hóa (ngoài nhà nước). Theo đó, trong năm đánh giá, xã phải huy động được nguồn lực (ngoài nhà nước) hỗ trợ cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật được thể hiện bằng số liệu cụ thể (các hoạt động có huy động được nguồn lực xã hội hóa, số lượng về con người, kinh phí, cơ sở vật chất...). *Việc hỗ trợ kinh phí hoặc nguồn lực khác từ cơ quan nhà nước cấp trên cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của xã không được tính là đáp ứng yêu cầu này.*

Tài liệu đánh giá đối với chỉ tiêu này là: Văn bản của tổ chức, cá nhân tài trợ, hỗ trợ (Thông báo, Công văn, Hợp đồng, Báo cáo...) về việc tài trợ, hỗ trợ, đóng góp nguồn lực (kinh phí, công sức, các điều kiện khác) phục vụ triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của xã trong năm đánh giá. Vì vậy, để đảm bảo được điều kiện này, UBND xã cần có văn bản huy động sự hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn xã để có kết quả cụ thể về các nguồn lực huy động được.

c) Có văn bản của cơ quan có thẩm quyền cấp huyện hướng dẫn, khuyến khích nhân rộng; trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đánh giá, được cơ quan có thẩm quyền cấp huyện trở lên tặng Giấy khen, Bằng khen hoặc hình thức khen thưởng khác vì đã có thành tích xuất sắc trong triển khai mô hình này.

- Việc hướng dẫn, khuyến khích nhân rộng mô hình được cơ quan có thẩm quyền cấp huyện thực hiện thông qua một trong các văn bản: Công văn, Kế hoạch, Chỉ thị, Thông báo kết luận, Báo cáo... của UBND cấp huyện, Phòng Tư pháp cấp huyện, trong đó có nội dung hướng dẫn, khuyến khích nhân rộng mô hình.

Theo đó, để đảm bảo được điều kiện này, Phòng Tư pháp các huyện, thành phố Long Khánh cần ban hành văn bản hoặc tham mưu Chủ tịch UBND cùng cấp ban hành văn bản chỉ đạo UBND các xã xây dựng các mô hình phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả trên địa bàn, tổng hợp các mô hình phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả của UBND xã theo hướng dẫn tại khoản 2 mục II Phụ lục I kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BTP “*Hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở là hình thức, mô hình có từ 80% trở lên ý kiến của đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã, đại diện các thôn, tổ dân phố xác nhận mô hình đó hiệu quả, phù hợp trong truyền tải thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật, được triển khai trên toàn địa bàn, duy trì thường xuyên, liên tục và có khả năng nhân rộng.*” Xác định các mô hình phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả có thể nhân rộng trên địa bàn cấp huyện và có Văn bản hướng dẫn, khuyến khích nhân rộng mô hình.

- Về yêu cầu “được cơ quan có thẩm quyền cấp huyện trở lên tặng Giấy khen, Bằng khen hoặc hình thức khen thưởng khác vì đã có thành tích xuất sắc trong triển khai mô hình”; căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng “*Khen thưởng theo đợt (hoặc chuyên đề) là khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt được thành tích xuất sắc sau khi kết thúc đợt thi đua do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Chủ tịch UBND các cấp, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động*”, đề nghị Phòng Tư pháp các huyện, thành phố Long Khánh chủ trì, phối hợp Phòng Nội vụ tham mưu Chủ tịch UBND cùng cấp ban hành Kế hoạch phát động phong trào thi đua xây dựng mô hình phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả hằng năm. Theo đó trên cơ sở kết quả thực hiện đợt thi đua theo chuyên đề để tham mưu Chủ tịch UBND cùng cấp khen thưởng đối với các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong triển khai mô hình phổ biến, giáo dục pháp luật.

Ví dụ về các tổ chức, cá nhân được khen thưởng có thể là: HĐND xã, UBND xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, Đoàn Thanh niên xã, Hội Liên hiệp phụ nữ xã, Hội Cựu chiến binh xã, Hội Nông dân xã, Lãnh đạo UBND xã, các công chức xã...

Tổ chức, cá nhân được khen thưởng vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nói chung không được tính để xét yêu cầu này.

1.2. Đối với mô hình điển hình về hòa giải ở cơ sở

Để xác định là mô hình điển hình về hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả thì phải đáp ứng đầy đủ 03 yêu cầu sau đây:

a) 100% tổ hòa giải của xã được hỗ trợ kinh phí triển khai hoạt động của tổ hòa giải và thù lao cho hòa giải viên đúng quy định pháp luật hòa giải ở cơ sở.

Cách tính tỷ lệ: Tỷ lệ % = Số hòa giải được hỗ trợ kinh phí triển khai hoạt động của tổ hòa giải và thù lao hòa giải viên theo định mức tối đa/Tổng số tổ hòa giải của xã x 100.

Mức hỗ trợ kinh phí triển khai hoạt động của tổ hòa giải và thù lao hòa giải viên được xác định theo quy định tại Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐND ngày 14/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân; công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Theo đó 100% tổ hòa giải trên địa bàn xã phải được hỗ trợ kinh phí triển khai hoạt động của tổ hòa giải là 100.000 đồng/tổ/tháng và thù lao cho hòa giải viên là 200.000 đồng/vụ việc (Trường hợp quy định về mức chi này thay đổi thì áp dụng theo quy định mới).

Tài liệu đánh giá: (i) Văn bản về việc hỗ trợ kinh phí cho tổ hòa giải; (ii) Hồ sơ, tài liệu thực hiện chi kinh phí hỗ trợ tổ hòa giải, thù lao hòa giải viên; (iii) Danh sách tổ hòa giải, hòa giải viên xác nhận được hỗ trợ kinh phí theo quy định tại Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐND.

b) Có hoạt động phối hợp với Tòa án nhân dân cấp huyện, Hội Luật gia cấp huyện, các lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, tổ chức, cá nhân có hiểu biết pháp luật trong tập huấn, bồi dưỡng cho hòa giải viên hoặc tham gia hỗ trợ hòa giải.

Việc phối hợp tập huấn, bồi dưỡng cho hòa giải viên hoặc hỗ trợ hòa giải có thể với một hoặc tất cả các cơ quan, tổ chức, cá nhân nêu trên; được thực hiện bằng hình thức phù hợp với điều kiện thực tế của địa bàn, hai bên cùng phối hợp tổ chức tập huấn hoặc phân công, cử cán bộ, báo cáo viên, chuyên gia tập huấn cho hòa giải viên hoặc tham gia hỗ trợ hòa giải.

Tài liệu đánh giá: (i) Hồ sơ, tài liệu (Kế hoạch, Giấy mời, Báo cáo kết quả tập huấn..) thể hiện sự phối hợp của một trong các cơ quan, tổ chức, cá nhân (Tòa án nhân dân cấp huyện, Hội Luật gia cấp huyện, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự..) trong việc tập huấn, bồi dưỡng hòa giải viên hoặc hỗ trợ hòa giải cho tổ hòa giải; (ii) Báo cáo kết quả hòa giải, biên bản hòa giải, văn bản cho ý kiến (nếu có) thể hiện sự phối hợp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

c) Có văn bản của cơ quan có thẩm quyền cấp huyện hướng dẫn, khuyến khích nhân rộng; trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đánh giá, được cơ quan có thẩm quyền cấp huyện trở lên tặng Giấy khen, Bằng khen hoặc hình thức khen thưởng khác vì đã có thành tích xuất sắc trong triển khai mô hình này. Nội dung này thực hiện tương tự hướng dẫn tại điểm c khoản 1.1 mục II Văn bản này.

Lưu ý:

- Xã đạt tiêu chí "tiếp cận pháp luật" phải có đồng thời mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật và mô hình điển hình về hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận; **mỗi xã phải có từ 01 mô hình điển hình về**

phổ biến, giáo dục pháp luật hoạt động hiệu quả và từ 01 mô hình điển hình về hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả trở lên thì mới đạt được yêu cầu của tiêu chí "tiếp cận pháp luật".

- Về quy trình công nhận các mô hình điển hình: Quyết định số 1723/QĐ-BTP không quy định riêng quy trình công nhận mà đưa ra các yêu cầu để đánh giá một mô hình phổ biến, giáo dục pháp luật hay mô hình hòa giải ở cơ sở đang được vận hành trên thực tế có hiệu quả hay không hiệu quả. Theo đó, việc công nhận mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả đã được lồng ghép vào quy trình, thủ tục đánh giá xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao. Phòng Tư pháp có trách nhiệm đánh giá về kết quả đạt các yêu cầu của mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả trong báo cáo gửi Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế (Văn phòng điều phối nông thôn mới cấp huyện) tổng hợp. UBND cấp huyện thực hiện thẩm tra, Sở Tư pháp sẽ thực hiện thẩm định mức độ đạt các yêu cầu của mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả (tổng hợp trong Báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao của UBND cấp huyện và Báo cáo đánh giá, xác nhận mức độ đạt chuẩn đối với tiêu chí 16 về tiếp cận pháp luật của Sở Tư pháp) làm căn cứ để Hội đồng thẩm định của tỉnh thảo luận, bỏ phiếu xét đề nghị công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành đạt từ 90% trở lên

Đối với chỉ tiêu này, cần lưu ý một số nội dung sau:

- Cách tính tỷ lệ: Tỷ lệ % = (Tổng số vụ, việc hòa giải thành/Tổng số vụ việc được thực hiện hòa giải) x 100.

- Hòa giải thành là trường hợp các bên đạt được thỏa thuận.

- Các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở được quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 25/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hòa giải ở cơ sở; bao gồm:

+ Mâu thuẫn giữa các bên là mâu thuẫn do khác nhau về quan niệm sống, lối sống, tính tình không hợp hoặc mâu thuẫn trong việc sử dụng lối đi qua nhà, lối đi chung, sử dụng điện, nước sinh hoạt, công trình phụ, giờ giấc sinh hoạt, gây mất vệ sinh chung hoặc các lý do khác.

+ Tranh chấp phát sinh từ quan hệ dân sự, hôn nhân và gia đình, như: tranh chấp về quyền sở hữu, nghĩa vụ dân sự, hợp đồng dân sự, thừa kế, quyền sử dụng đất; tranh chấp phát sinh từ quan hệ giữa vợ, chồng; quan hệ giữa cha mẹ và con quan hệ giữa ông bà nội, ông bà ngoại và cháu; quan hệ giữa anh, chị, em và giữa các thành viên khác trong gia đình; cấp dưỡng; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; ly hôn.

+ Vụ việc khác thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở là các vụ việc do vi phạm pháp luật mà theo quy định của pháp luật những việc vi phạm đó chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, xử lý vi phạm hành chính; vi phạm pháp luật hình sự trong các trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 5 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP; vi phạm pháp luật bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn theo quy định tại Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30/9/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc có đủ điều kiện để áp dụng biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Chương II Phần thứ năm của Luật Xử lý vi phạm hành chính và những vụ việc khác mà pháp luật không cấm.

Tài liệu đánh giá: Sổ theo dõi hoạt động hòa giải ở cơ sở; văn bản hòa giải thành (nếu có); Báo cáo của UBND xã về kết quả hoạt động hòa giải ở cơ sở.

UBND xã chỉ đạo, hướng dẫn tổ hòa giải trên địa bàn rà soát, tổng hợp, báo cáo kết quả vụ, việc hòa giải thành và vụ, việc hòa giải không thành để tổng hợp, xác định tỷ lệ % phục vụ việc đánh giá, công nhận xã đạt tiêu chí 16 về tiếp cận pháp luật.

Lưu ý: Những vụ việc hòa giải trong chỉ tiêu này không tính các vụ, việc hòa giải tranh chấp đất đai thuộc trách nhiệm của UBND cấp xã theo quy định tại Điều 202 Luật Đất đai năm 2013.

3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu đạt từ 90% trở lên

- Cách tính tỷ lệ: Tỷ lệ % = (Tổng số người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý được trợ giúp pháp lý / Tổng số người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý có yêu cầu trợ giúp pháp lý) x 100.

+ Tổng số người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý được trợ giúp pháp lý là tổng số người dân trong các vụ việc trợ giúp pháp lý đã được thụ lý theo quy định tại Điều 30 Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017.

+ Tổng số người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý có yêu cầu trợ giúp pháp lý là tổng số người dân đã có yêu cầu trợ giúp pháp lý theo quy định tại Điều 29 Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017.

Ví dụ:

- Tổng số người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý được trợ giúp pháp lý là 15 người.

- Tổng số người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý có yêu cầu trợ giúp pháp lý là 30 người. Theo đó, tỷ lệ % người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu là $(15/30) \times 100 = 50\%$.

Lưu ý: Trong trường hợp trên địa bàn xã có người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý nhưng không có yêu cầu trợ giúp pháp lý thì tỷ lệ vẫn được

tính tối đa để bảo đảm không ảnh hưởng đến tổng thể chung khi đánh giá xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

Tài liệu đánh giá: Số liệu về tổng số người thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý trên địa bàn xã được trợ giúp pháp lý và số liệu về tổng số người thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý trên địa bàn xã có yêu cầu trợ giúp pháp lý do Trung tâm trợ giúp pháp lý tổng hợp và cung cấp.

UBND xã có trách nhiệm phối hợp với Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh để xác định tổng số người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý được trợ giúp pháp lý, tổng số người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý có yêu cầu trợ giúp pháp lý là công dân cư trú trên địa bàn xã để tính tỷ lệ % phục vụ việc đánh giá, công nhận xã đạt tiêu chí 16 về tiếp cận pháp luật.

Việc thực hiện đánh giá tiêu chí tiếp cận pháp luật trong đánh giá xã nông thôn mới nâng cao không thực hiện theo một quy trình riêng như đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật mà thực hiện cùng với quy trình đánh giá, xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

III. SỐ LIỆU PHỤC VỤ CHẤM ĐIỂM, ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

1. Số liệu phục vụ chấm điểm tiêu chí 16 - tiếp cận pháp luật thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tính từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 của năm trước liền kề năm đánh giá.

Riêng đối với những xã thực hiện đánh giá, đề nghị công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023 nhưng năm 2022 chưa có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật và hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận thì tiêu chí này lấy kết quả trong năm 2023.

Trường hợp tổ chức xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao được tổ chức trước thời điểm đánh giá xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thì sử dụng kết quả đánh giá xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của năm trước liền kề năm đánh giá hoặc sử dụng kết quả của năm đánh giá nhưng phải tuân thủ theo đúng quy định và hướng dẫn tại Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP. Theo đó, trường hợp sử dụng kết quả của năm đánh giá thì phải chờ kết quả đánh giá xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP (tháng 01 của năm sau năm đánh giá). Việc sử dụng kết quả của năm trước hoặc năm đánh giá do Hội đồng thẩm định tỉnh xem xét, quyết định phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

2. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ đánh giá tiêu chí tiếp cận pháp luật thuộc Bộ tiêu chí quốc gia xã nông thôn mới nâng cao thực hiện theo quy định của Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố

và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

Trên đây là nội dung hướng dẫn thực hiện tiêu chí tiếp cận pháp luật trong Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao; Sở Tư pháp đề nghị các địa phương triển khai thực hiện. Quá trình thực hiện, có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh về Sở Tư pháp (thông qua Phòng Xây dựng và Phổ biến, giáo dục pháp luật - bà Đồng Thị Hoa số điện thoại 0973099357) để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng điều phối CTXDNTM tỉnh (báo cáo);
- Phòng Tư pháp các huyện, TP. Long Khánh (thực hiện);
- Giám đốc, các Phó Giám đốc STP;
- Lưu: VT, XDPBPL.
(Hoa-NTM)

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phan Quang Tuấn